**Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)**

**a) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Cơ sở sản xuất thủy sản giống, nuôi trồng thủy sản có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu điện, dịch vụ công trực tuyến hoặc nộp trực tiếp tại Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản tỉnh Bình Dương.

**Bước 2:**

+ Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu điện: cán bộ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ. Hồ sơ đầy đủ và hợp lệ chuyển qua phòng chuyên môn, hồ sơ không hợp lệ thì báo lại cơ sở bổ sung.

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả kiểm tra hồ sơ, tiếp nhận và chuyển cho phòng chuyên môn xử lý.

+ Trường hợp nộp trực tiếp tại Chi cục: cán bộ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ, hướng dẫn trực tiếp nếu hồ sơ không đạt yêu cầu. Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ viết Biên nhận hẹn ngày trả lời kết quả.

**Bước 3:**

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Cơ quan thú y kiểm tra tính hợp lệ và thẩm định nội dung của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Cơ quan thú y thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá (sau đây gọi chung là Đoàn đánh giá) và thông báo kế hoạch kiểm tra, đánh giá cho cơ sở.

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cơ quan thú y thông báo bằng văn bản cho cơ sở để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện.

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày thành lập, Đoàn đánh giá phải thực hiện kiểm tra, đánh giá tại cơ sở.

+ Kiểm tra theo các yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

+ Kiến thức và thực hành của người trực tiếp tham gia sản xuất, nuôi trồng thủy sản về dấu hiệu bệnh lý, xử lý tình huống khi cơ sở xuất hiện bệnh đăng ký chứng nhận

+ Thực trạng sức khỏe động vật; việc áp dụng các biện pháp kiểm soát, ngăn chặn mối nguy dịch bệnh từ bên ngoài và bên trong cơ sở;

+ Kết quả thực hiện Kế hoạch giám sát

+ Kết quả công tác quản lý hoạt động thú y tại cơ sở

**Bước 4:** Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra tại cơ sở hoặc kể từ ngày nhận kết quả xét nghiệm, Cơ quan thú y cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở đạt yêu cầu; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Cơ quan thú y phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do và hướng dẫn cơ sở khắc phục các nội dung chưa đạt yêu cầu.

 Đến ngày hẹn tổ chức, cá nhân đến nơi nộp hồ sơ để nhận kết quả hoặc nhận kết quả tại nhà (nếu tổ chức, cá nhân đăng ký dịch vụ chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ yêu cầu).

**b) Cách thức thực hiện:**

**+** Hồ sơ nộp trực tuyến, gửi qua Fax, E-mail, (sau đó gửi hồ sơ bản chính) hoặc gửi theo đường bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản tỉnh Bình Dương.

+ Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả hoặc qua dịch vụ bưu điện đến địa chỉ tổ chức, cá nhân yêu cầu.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**\* Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (Phụ lục VIa ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT);

- Báo cáo kết quả giám sát theo quy định;

- Bản sao kết quả kiểm tra, phân loại cơ sở còn hiệu lực (nếu có);

- Bản sao Giấy chứng nhận VietGAP còn hiệu lực (nếu có).

**\* Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 20 ngày làm việc.

**đ) Đối tượng thực hiện TTHC:** Cơ sở nuôi trồng thủy sản, sản xuất thủy sản giống.

**e) Cơ quan thực hiệnTTHC:**

\* Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.

\* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấpthực hiện (nếucó): Không.

\* Cơ quan trực tiếp thực hiệnTTHC: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.

\* Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

**g) Kết quả của việc thực hiệnTTHC:** Giấy chứng nhận. Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm.

**h) Phí, lệ phí (nếu có):**

Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):**

+ Đơn đăng ký (Phụ lục VIa ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của BNN và PTNT)

+ Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của BNN và PTNT)

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):**

***\* Cơ sở sản xuất giống thủy sản:***

+ Người trực tiếp tham gia sản xuất thủy sản giống phải có kiến thức về bệnh mà cơ sở đang thực hiện giám sát, đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh;

+ Có Phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc hợp đồng với Phòng thử nghiệm được chỉ định đủ năng lực xét nghiệm đối với bệnh mà cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh.

***\* Cơ sở nuôi động vật thủy sản thương phẩm:***

+ Người trực tiếp nuôi động vật thủy sản phải có kiến thức về bệnh mà cơ sở đang thực hiện giám sát.

+ Có Phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc hợp đồng với Phòng thử nghiệm được chỉ định đủ năng lực xét nghiệm đối với bệnh mà cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh.

\* Cơ sở đã thực hiện chương trình giám sát theo quy định, không có động vật thủy sản mắc bệnh đăng ký chứng nhận an toàn trong ít nhất 06 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Thú y số 79/2015/QH13 Quốc hội thông qua ngày 19/6/2015;

+ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

+ Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;

+ Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

**PHỤ LỤC VIa**

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*.................., ngày.....tháng ......năm ……*

**ĐƠN ĐĂNG KÝ**

**CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT**

Kính gửi: (Tên cơ quan thú y)

**1. Tên cơ sở:**

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

**2. Tên chủ cơ sở:**

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại: Fax: Email:………………………..

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **3. Đăng ký chứng nhận:** | € Lần đầu | € Đánh giá lại |
|  | € Cấp lại | € Bổ sung |
|  | € Cấp đổi |  |
|  | Lý do khác: .................................... ................ |

*(ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi: .........…………………………..*

…………………………………………………………………………………..)

**4. Loại hình hoạt động: €** Sản xuất giống € Nuôi thương phẩm € Làm cảnh

**5. Thị trường tiêu thụ:**€ Nội địa € Xuất khẩu € Cả nội địa, xuất khẩu

**6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh** .................................

trên đối tượng….......................................................................................................

**7. Hồ sơ đăng ký gồm:***(Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người làm đơn***(ký tên, đóng dấu) (\*)* |

*(\*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)*

**PHỤ LỤC VII**

MẪU BÁO CÁO ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*…......., ngày…… tháng …… năm ……..*

**BÁO CÁO ĐIỀU KIỆN**

**CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN**

Kính gửi:

**1. Vị trí cơ sở:**

- Các khu vực xung quanh

- Hệ thống bao quanh cơ sở: Có € Không €; ngăn cách với cơ sở xung quanh bằng

- Nguồn nước: Ngọt € Mặn €

- Vị trí giao thông:

- Hệ thống điện:

**2. Điều kiện cơ sở sản xuất**

2.1. Diện tích cơ sở (ghi chi tiết từng hạng mục):

2.2. Điều kiện cơ sở hạ tầng.

2.2.1. Sơ đồ bố trí mặt bằng (bản vẽ kèm theo)

Hệ thống bể trong khu vực có mái che: Có € Không €

2.2.2. Hệ thống ao và cấp thoát nước

- Hệ thống ao bể Có € Không €

- Hệ thống cấp thoát nước Có € Không €

- Khu vực xử lý Có € Không €

2.3. Trang thiết bị phục vụ sản xuất

2.4. Thực trạng sản xuất

2.4.1. Thực hiện vệ sinh tiêu độc khử trùng đối với:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hệ thống ao, bể: | Không € | Có € | Loại hóa chất:………. |
| - Thiết bị, dụng cụ: | Không € | Có € | Loại hóa chất:………. |
| - Nguồn nước: | Không € | Có € | Loại hóa chất:………. |
| - Xử lý thủy sản chết: | Không € | Có € | Loại hóa chất:………. |
| - Vệ sinh cá nhân: | Không € | Có € |  |

2.4.2. Biện pháp phòng bệnh

- Xử lý khi cải tạo ao, bể: Không € Có €

Loại hóa chất:

- Thay nước định kỳ: Không € Có €

- Dinh dưỡng: Không € Có € Nếu có, ghi rõ

Loại gì:

- Vệ sinh ao/bể: Không € Có € Nếu có, ghi rõ

Loại hóa chất:

2.4.3.Tình hình sử dụng các loại hóa chất, kháng sinh:

- Kháng sinh Không € Có € Nếu có, ghi rõ

Loại gì:

- Diệt khuẩn định kỳ Không € Có € Nếu có, ghi rõ

Loại hóa chất:

- Bón vi sinh định kỳ Không € Có € Nếu có, ghi rõ

Loại gì:

2.5. Hồ sơ ghi chép

2.5.1. Ghi chép theo dõi số lượng thủy sản bố mẹ nhập, xuất

Ghi chép theo dõi số lượng thủy sản giống xuất

Ghi chép quá trình nuôi, chăm sóc thủy sản

2.5.2. Ghi chép tình hình dịch bệnh tại cơ sở: Không € Có € Lý do:

Có xét nghiệm bệnh trước khi cho thủy sản sinh sản không?..................

Nếu có xét nghiệm bệnh gì?......................Đơn vị xét nghiệm?.......................

Nếu phát hiện có tác nhân gây bệnh, xử lý như thế nào?.......................

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Chủ cơ sở***(ký tên, đóng dấu) (\*)* |

*(\*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)*